

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai kết luận kiểm toán
Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản nhà nước năm 2017
Trường Đại học Hồng Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Kiểm toán số 81/2015/QH13 ngày 24/06/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-ĐHHD ngày 12/05/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc phê duyệt quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Công văn số 572/TB-KTNN KV XI của kiểm toán Trưởng Kiểm toán nhà nước khu vực XI về việc thông báo kết quả kiểm toán tại Trường Đại học Hồng Đức;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kết luận Kiểm toán năm 2017 Trường Đại học Hồng Đức. (Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Nội dung kết luận Kiểm toán được công khai tại website nội bộ của nhà trường và bằng văn bản ở bảng tin nội bộ tầng 5 nhà điều hành Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) trưởng các đơn vị, tổ chức, đoàn thể và cán bộ trong trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Trung tâm TTTV (Đưa lên website);
- Lưu: VT, P.KHTC

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Nam

Số: 572/TB-KTNN KV XI

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 10 năm 2018

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC TỈNH THANH HÓA**

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức

Thực hiện Quyết định số 1293/QĐ-KTNN ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa. Tổ kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại Trường Đại học Hồng Đức tỉnh Thanh Hóa từ ngày 29/6/2018 đến ngày 10/7/2018.

Căn cứ kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán, Kiểm toán nhà nước khu vực XI thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán tại Trường Đại học Hồng Đức và các đơn vị trực thuộc để đơn vị biết và tổ chức thực hiện như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 10 tháng 7 năm 2018 và xác nhận số liệu quyết toán theo các Phụ lục kèm theo.

Sau đây là một số kết luận chủ yếu sau:

1. Chi đầu tư XDCB

Qua kiểm toán chi tiết 02 công trình, dự án do Trường Đại học Hồng Đức làm chủ đầu tư: Dự án Cơ sở 3, Công trình Nhà học giảng đường chung và Dự án Nhà học giảng đường Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội có tình hình như sau:

1.1. Kiểm toán công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt dự án, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán

Chưa có thông báo chấp thuận nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng bằng văn bản đến nhà thầu khảo sát quy định tại Điều 16, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; thiết kế bản vẽ thi công còn tính toán sai một số khối lượng (Gói thầu xây lắp số 04 Dự án Đầu tư xây dựng công trình nhà giảng đường khoa học tự nhiên và khoa học xã hội).

1.2. Công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, kí kết hợp đồng, tiến độ dự án

Tiến độ thi công chậm 6 tháng so với tiến độ hợp đồng được ký kết (Hạng mục Nhà học giảng đường chung).

1.3. Kiểm toán công tác quản lý chất lượng; công tác nghiệm thu, thanh, quyết toán

Với dự án khối lượng che khuất lớn, nhật ký thi công chưa phản ánh đầy đủ các thay đổi, biện pháp thi công thực tế trên hiện trường làm cơ sở cho việc xử lý hiện trường của các bên liên quan; chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu thi công chưa lập bản vẽ hoàn công kịp thời, chưa phù hợp quy định tại Thông tư số

10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.

1.4. Nợ đọng xây dựng cơ bản

Nợ đọng XDCB đến 30/6/2018 đối với các Gói thầu xây lắp được kiểm toán là 11.431 tr.đồng¹.

1.5 Công tác quản lý chi phí đầu tư

Kết quả kiểm toán chi phí vốn đầu tư của 02 dự án được kiểm toán chi tiết:

- Tổng giá trị báo cáo được kiểm toán	179.715 tr.đồng
- Tổng giá trị kiểm toán xác định	170.239 tr.đồng
- Số chênh lệch	9.476 tr.đồng

(Chi tiết tại Phụ lục số 03a/HSKT-KTNN).

2. Thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh, dịch vụ

Việc chấp hành các tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý thu chi ngân sách còn một số tình hình cụ thể như sau:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ số thu học phí năm 2017 còn lại 7.912 tr.đồng, đơn vị đã sử dụng để chi chế độ cho học sinh, sinh viên và chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức và người lao động.

- Đối với nguồn thu lệ phí tuyển sinh: Số tiền 329 tr.đồng chưa nộp NSNN theo quy định tại Khoản 2, Điều 3, Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí, trong năm đơn vị đã bổ sung kinh phí chi hoạt động.

- Năm 2017, đơn vị đã sử dụng kinh phí nguồn quỹ cơ quan chi cho cán bộ, giáo viên, người lao động nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập trường, cao hơn so với quy chế chi tiêu nội bộ 500.000 đồng/người, số tiền 352,5 tr.đồng.

3. Quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước

3.1. Việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính và biên chế của đơn vị

Tính đến 31/12/2017, tổng số cán bộ, viên chức và người lao động có mặt 720 người, đảm bảo trong định biên được cấp có thẩm quyền giao; tỷ lệ tiết kiệm kinh phí 11%, chi trả thu nhập tăng thêm 11.687 tr.đồng, bình quân 1,4 tr.đồng/người/tháng.

3.2. Công tác quản lý sử dụng ngân sách

Đơn vị sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên chi cho 7.495 sinh viên tương ứng số tiền 749,5 tr.đồng (100.000 đồng/sinh viên) nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập trường không có trong quy chế chi tiêu nội bộ.

3.3. Công tác quản lý tài sản và công nợ

Công tác quản lý tài sản nói chung và tài sản cố định nói riêng và quản lý công nợ được đơn vị mở sổ theo dõi chặt chẽ, đầy đủ, kịp thời theo quy định.

¹ Trong đó: Gói thầu xây lắp số 04 Dự án Đầu tư xây dựng công trình nhà giảng đường khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - Trường Đại học Hồng Đức là 8.800 tr.đồng; Gói thầu xây lắp hạng mục Nhà học giảng đường chung thuộc dự án Cơ sở 3 - Trường đại học Hồng Đức là 2.631 tr.đồng.

3.4. Việc thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quản lý, sử dụng xe ô tô công, mua sắm tài sản công

Đến thời điểm kiểm toán, trường Đại học Hồng Đức đang sử dụng 03 xe ô tô phục vụ công tác chung, nhiều hơn 01 xe so với định mức quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3.5. Chấp hành chế độ kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán; chứng từ kế toán; sổ kế toán và hạch toán kế toán; Báo cáo tài chính, đơn vị chấp hành đúng mẫu biểu, chế độ tài chính, ngân sách theo quy định.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Trường Đại học Hồng Đức tỉnh Thanh Hóa thực hiện điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo kiến nghị của KTNN.

2. Thực hiện xử lý về tài chính theo kết quả kiểm toán với tổng số tiền 9.475.764.000 đồng (chi đầu tư XDCB), gồm:

- Giảm thanh toán lần sau 105.038.000 đồng

- Giảm giá trị hợp đồng 9.370.726.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục số 03a/HSKT-KTNN)

3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước

- Quản lý thu, nộp NSNN đối với khoản thu lệ phí theo đúng quy định tại Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng các chế độ, tiêu chuẩn và định mức chi ngân sách theo quy định và đã được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ.

- Rút kinh nghiệm đối với một số sai sót trong quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

- Báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý đối với 01 xe ô tô Trường đang quản lý thừa so với định mức.

Đề nghị Trường Đại học Hồng Đức chỉ đạo các phòng, bộ phận thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực XI địa chỉ số 01 Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa trước ngày 31/03/2019. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/HSKT-KTNN kèm theo.

Thông báo này gồm 04 trang, từ trang 01 đến trang 04 và các phụ lục số 01,03a/HSKT-KTNN và các Phụ lục để xác nhận quyết toán của Trường Đại học Hồng Đức tỉnh Thanh Hóa là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn KTNN;
- Lưu: ĐKT, VT.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Giáp

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước khu vực XI gửi kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm*”.

2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XD/CB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh;...) phải ghi rõ: “*Giảm thanh toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước khu vực XI gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).

3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên: Các quyết định (giao dự toán, giảm dự toán,...) phải ghi rõ “*Giảm dự toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước khu vực XI gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.

4. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế ghi rõ “*nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ “*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ “*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*”; đồng thời ghi rõ “*niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước khu vực XI... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”.

THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
Qua kiểm toán tại Trường Đại Học Hồng Đức

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị/chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
A	Giảm thanh toán	105.038.000		
I	Dự án Cơ sở 3 - Trường đại học Hồng Đức	105.038.000		
1	Gói thầu xây lắp hạng mục Nhà học giảng đường chung (Tổng công ty cổ phần Miền Trung)	105.038.000	Do sai khối lượng.	
B	Giảm giá trị hợp đồng	9.370.726.000		
I	Dự án Cơ sở 3 - Trường đại học Hồng Đức	8.855.427.000		
1	Gói thầu xây lắp hạng mục Nhà học giảng đường chung (Tổng công ty cổ phần Miền Trung)	8.855.427.000	Do sai khối lượng 8.711.659.000 đồng; do sai đơn giá 143.768.000 đồng.	
II	Dự án Đầu tư xây dựng công trình nhà giảng đường khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, Trường đại học Hồng Đức	515.299.000		
1	Gói thầu xây lắp số 04 (Tổng công ty cổ phần Miền Trung)	87.589.000	Do sai khối lượng.	
2	Gói thầu xây lắp số 04 (Công ty cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng số 18)	427.710.000	Do sai khối lượng.	
	CỘNG	9.475.764.000		

**PHỤ LỤC ĐỂ XÁC NHẬN QUYẾT TOÁN CỦA TRƯỜNG
ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

1. ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN

1.1. TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
	B	1	2	3 = 2-1
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG	-		
	Chương 422 - khoản 502			
A	Kinh phí thường xuyên			
1	KP chưa quyết toán năm trước chuyển sang	-	0	
	- Ngân sách nhà nước		0	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao		0	
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác (Dịch vụ)			
2	Kinh phí thực nhận trong năm	126.630.319.100	126.630.319.100	
	- Ngân sách nhà nước	126.630.319.100	126.630.319.100	
	Trong đó:		-	
	+ NSNN giao	93.240.000.000	93.240.000.000	
	+ Phí, lệ phí để lại	33.390.319.100	33.390.319.100	
	+ Viện trợ		-	
	- Kinh phí khác (Dịch vụ)	-	-	
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1+2)	126.630.319.100	126.630.319.100	
	- Ngân sách nhà nước	126.630.319.100	126.630.319.100	
	Trong đó:		0	
	+ NSNN giao	93.240.000.000	93.240.000.000	
	+ Phí, lệ phí để lại	33.390.319.100	33.390.319.100	
	+ Viện trợ		0	
	- Kinh phí khác (Dịch vụ)	-	0	
4	KP đã sử dụng để nghị quyết toán trong năm	126.553.386.300	126.553.386.300	0
	- Ngân sách nhà nước	126.553.386.300	126.553.386.300	0
	Trong đó:		0	
	+ NSNN giao	93.240.000.000	93.240.000.000	
	+ Phí, lệ phí để lại	33.313.386.300	33.313.386.300	
	+ Viện trợ		0	
	- Kinh phí khác (Dịch vụ)		0	
5	Kinh phí giảm trong năm (Nộp trả, giảm khác)	-	0	0
	- Ngân sách nhà nước	-	0	0
	Trong đó:		0	0
	+ NSNN giao:		0	
	+ Phí, lệ phí để lại		0	
	+ Viện trợ		0	
	- Kinh phí khác (Dịch vụ)		0	
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau	76.932.800	76.932.800	
	- Ngân sách nhà nước	76.932.800	76.932.800	
	Trong đó:		0	
	+ NSNN giao	-	0	
	+ Phí, lệ phí để lại	76.932.800	76.932.800	
	+ Viện trợ		0	
	- Kinh phí khác (Dịch vụ)	-	0	
B	Kinh phí không thường xuyên			
1	KP chưa quyết toán năm trước chuyển sang	63.765.878.000	63.765.878.000	
	- Ngân sách nhà nước	63.765.878.000	63.765.878.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao	63.765.878.000	63.765.878.000	

	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác (Đặt hàng,...)			0
2	Kinh phí thực nhận trong năm	24.026.846.000	24.026.846.000	
	- Ngân sách nhà nước	24.026.846.000	24.026.846.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao	24.026.846.000	24.026.846.000	
	+ Phí, lệ phí để lại			0
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác			0
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1+2)	87.792.724.000	87.792.724.000	
	- Ngân sách nhà nước	87.792.724.000	87.792.724.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao	87.792.724.000	87.792.724.000	
	+ Phí, lệ phí để lại			0
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác			0
4	KP đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	86.319.724.000	86.319.724.000	
	- Ngân sách nhà nước	86.319.724.000	86.319.724.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao	86.319.724.000	86.319.724.000	
	+ Phí, lệ phí để lại			0
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác			0
5	Kinh phí hủy (giảm) trong năm (Nộp trả, giảm khác)	1.473.000.000	1.473.000.000	
	- Ngân sách nhà nước	1.473.000.000	1.473.000.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao (<i>hủy KP Đào GV cấp 1,2 xuống dạy MN</i>)	1.473.000.000	1.473.000.000	
	+ Phí, lệ phí để lại			0
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác			0
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau			0
	- Ngân sách nhà nước			
	Trong đó:			
	+ NSNN giao			
	+ Phí, lệ phí để lại			
	+ Viện trợ			
	- Kinh phí khác			
	<i>Chương 422 - khoản 373</i>			
C	Kinh phí không thường xuyên (NCKH)			
1	KP chưa quyết toán năm trước chuyển sang	695.419.000	695.419.000	
	- Ngân sách nhà nước	695.419.000	695.419.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao	695.419.000	695.419.000	
	+ Phí, lệ phí để lại			0
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác			0
2	Kinh phí thực nhận trong năm	6.477.567.000	6.477.567.000	
	- Ngân sách nhà nước	6.477.567.000	6.477.567.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao	6.477.567.000	6.477.567.000	
	+ Phí, lệ phí để lại			0
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác			0
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm (1+2)	7.172.986.000	7.172.986.000	
	- Ngân sách nhà nước	7.172.986.000	7.172.986.000	
	Trong đó:			
	+ NSNN giao	7.172.986.000	7.172.986.000	
	+ Phí, lệ phí để lại			0
	+ Viện trợ			0
	- Kinh phí khác			0
4	KP đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	6.920.916.000	6.920.916.000	

	- Ngân sách nhà nước	6.920.916.000	6.920.916.000
	Trong đó:		
	+ NSNN giao	6.920.916.000	6.920.916.000
	+ Phí, lệ phí để lại		0
	+ Viện trợ		0
	- Kinh phí khác		0
5	Kinh phí giảm trong năm (Nộp trả, giảm khác)		0
	- Ngân sách nhà nước		0
	Trong đó:		
	+ NSNN giao		0
	+ Phí, lệ phí để lại		0
	+ Viện trợ		0
	- Kinh phí khác		0
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau	252.070.000	252.070.000
	- Ngân sách nhà nước	252.070.000	252.070.000
	Trong đó:		0
	+ NSNN giao	252.070.000	252.070.000
	+ Phí, lệ phí để lại		0
	+ Viện trợ		0
	- Kinh phí khác		0
II	KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB		
	Chương 422 - khoản 502		
1	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	4.786.372.000	4.786.372.000
2	Kinh phí thực nhận trong năm (XDCB, nhà giảng đg)	33.796.000.000	33.796.000.000
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	38.582.372.000	38.582.372.000
4	Kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán trong năm	38.582.372.000	38.582.372.000
5	Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)		
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau		

	- Ngân sách nhà nước	6.920.916.000	6.920.916.000
	Trong đó:		
	+ NSNN giao	6.920.916.000	6.920.916.000
	+ Phí, lệ phí để lại		0
	+ Viện trợ		0
	- Kinh phí khác		0
5	Kinh phí giảm trong năm (Nộp trả, giảm khác)		0
	- Ngân sách nhà nước		0
	Trong đó:		
	+ NSNN giao		0
	+ Phí, lệ phí để lại		0
	+ Viện trợ		0
	- Kinh phí khác		0
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau	252.070.000	252.070.000
	- Ngân sách nhà nước	252.070.000	252.070.000
	Trong đó:		0
	+ NSNN giao	252.070.000	252.070.000
	+ Phí, lệ phí để lại		0
	+ Viện trợ		0
	- Kinh phí khác		0
II	KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB		
	Chương 422 - khoản 502		
1	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	4.786.372.000	4.786.372.000
2	Kinh phí thực nhận trong năm (XDCB, nhà giảng đg)	33.796.000.000	33.796.000.000
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	38.582.372.000	38.582.372.000
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm	38.582.372.000	38.582.372.000
5	Kinh phí giảm trong năm (<i>nộp trả, giảm khác</i>)		
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau		

1.2. TÌNH HÌNH THU CHI SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NĂM 2017 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
	TỔNG CỘNG			
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	-	-	
2	Thu trong năm	36.597.027.860	36.597.027.860	
3	Chi trong năm, trong đó:	2.883.034.127	2.883.034.127	
	- Giá vốn hàng bán	2.849.082.248	2.849.082.248	
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	33.951.879	33.951.879	
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay (1 + 2 - 3)	33.713.993.733	33.713.993.733	
5	Nộp NSNN năm nay	31.212.429	31.212.429	
6	Nộp cấp trên năm nay	-	-	
7	Bổ sung nguồn kinh phí năm nay	33.390.319.100	33.390.319.100	
8	Trích lập các quỹ năm nay	215.529.404	215.529.404	
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm nay (4 - 5 - 6 - 7 - 8)	76.932.800	76.932.800	
I	HOẠT ĐỘNG PHÍ, LỆ PHÍ			
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang			
2	Thu trong năm, trong đó:	35.367.175.985	35.367.175.985	
	- Nguồn thu học phí	31.143.172.052	31.143.172.052	
	- Phí liên kết các trường TW	691.766.885	691.766.885	
	- Nguồn thu lệ phí	1.259.445.000	1.259.445.000	
	- Thu khác (BTĐT, TLTS, Nru, KPĐT)	2.272.792.048	2.272.792.048	
3	Chi trong năm	1.845.386.325	1.845.386.325	
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay (1 + 2 - 3)	33.521.789.660	33.521.789.660	
5	Nộp NSNN năm nay			
6	Nộp cấp trên năm nay			
7	Bổ sung nguồn kinh phí năm nay	33.390.319.100	33.390.319.100	
8	Trích lập các quỹ năm nay	54.537.760	54.537.760	
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm nay (4 - 5 - 6 - 7 - 8)	76.932.800	76.932.800	

II	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH-DỊCH VỤ			
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang			
2	Thu trong năm	1.229.851.875	1.229.851.875	
	<i>Liên kết đào tạo trong tỉnh</i>	494.172.088	494.172.088	
	<i>Các dịch vụ: cảng tin, giữ xe, thuê mặt bằng đặt trạm phủ sóng, ATM</i>	735.679.787	735.679.787	
3	Chi trong năm	1.037.647.802	1.037.647.802	
	Trong đó:			
	- Giá vốn hàng bán	1.003.695.923	1.003.695.923	
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý			
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	33.951.879	33.951.879	
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay (1 + 2 - 3)	192.204.073	192.204.073	
5	Nộp NSNN năm nay	31.212.429	31.212.429	
6	Nộp cấp trên năm nay			
7	Bổ sung nguồn kinh phí năm nay			
8	Trích lập các quỹ năm nay	160.991.644	160.991.644	
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm nay (4 - 5 - 6 - 7 - 8)	-		

1.3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI TIẾT DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên dự án	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
						Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm dự toán
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Kiểm toán giá trị nghiệm thu thanh toán	167.168.178	167.168.178	167.063.140	(105.038)	(105.038)	-	-	155.631.980	-	105.038	-	-
A.1	Dự án Cơ sở 3 - Trường đại học Hồng Đức	97.705.252	97.705.252	97.600.214	(105.038)	(105.038)	-	-	94.968.842	-	105.038	-	-
1	Gói thầu xây lắp hạng mục Nhà học giảng đường chung	97.705.252	97.705.252	97.600.214	(105.038)	(105.038)			94.968.842		105.038		
A.2	Dự án Đầu tư xây dựng công trình nhà giảng đường khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, Trường đại học Hồng Đức	69.462.926	69.462.926	69.462.926	-	-	-	-	60.663.138	-	-	-	-
1	Gói thầu xây lắp số 04	69.462.926	69.462.926	69.462.926	-	-	-	-	60.663.138	-	-	-	-
1	Tổng công ty cổ phần Miền Trung	36.262.681	36.262.681	36.262.681	-	-	-	-	30.451.506	-	-	-	-
2	Công ty cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng số 18	33.200.245	33.200.245	33.200.245	-	-	-	-	30.211.632	-	-	-	-
B	Kiểm toán giá trị phần hợp đồng còn lại	12.546.712	12.546.712	3.175.986	(9.370.726)	(9.226.958)	(143.768)	-	-	-	-	9.370.726	-
B.1	Dự án Cơ sở 3 - Trường đại học Hồng Đức	9.959.233	9.959.233	1.103.806	(8.855.427)	(8.711.659)	(143.768)	-	-	-	-	8.855.427	-
1	Gói thầu xây lắp hạng mục Nhà học giảng đường chung	9.959.233	9.959.233	1.103.806	(8.855.427)	(8.711.659)	(143.768)	-	-	-	-	8.855.427	-
B.2	Dự án Đầu tư xây dựng công trình nhà giảng đường khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, Trường đại học Hồng Đức	2.587.479	2.587.479	2.072.180	(515.299)	(515.299)	-	-	-	-	-	515.299	-
1	Gói thầu xây lắp số 04	2.587.479	2.587.479	2.072.180	(515.299)	(515.299)	-	-	-	-	-	515.299	-
1	Tổng công ty cổ phần Miền Trung	87.795	87.795	206	(87.589)	(87.589)	-	-	-	-	-	87.589	-
2	Công ty cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng số 18	2.499.684	2.499.684	2.071.974	(427.710)	(427.710)	-	-	-	-	-	427.710	-
	Tổng cộng	179.714.890	179.714.890	170.239.126	(9.475.764)	(9.331.996)	(143.768)	-	155.631.980	-	105.038	9.370.726	-